

Số: 832/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 30 tháng 5 năm 2014

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền  
giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 25/TTr-STP ngày 15/5/2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

*(Danh mục, nội dung cụ thể TTHC kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp xã và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	T-PYE-218210-TT	Thủ tục Đăng ký lại việc sinh	Bỏ bản cam đoan trong thành phần hồ sơ thực hiện mẫu 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
2	T-PYE-218230-TT	Thủ tục Đăng ký khai sinh quá hạn	Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ.	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
3	T-PYE-218236-TT	Thủ tục Đăng ký kết hôn	Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
4	T-PYE-218258-TT	Thủ tục Xác nhận tình trạng hôn nhân	Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
5	T-PYE-218347-TT	Thủ tục Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi	Điều 37 Nghị định 158 của Chính phủ	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
6	T-PYE-218249-TT	Thủ tục Đăng ký lại việc kết hôn	Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/3013 của HĐND tỉnh Phú Yên	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
7	T-PYE-	Thủ tục Đăng ký lại	Nghị quyết số	Hành	UBND

	182763-	việc nuôi con nuôi	92/2013/NQ-	chính tư	cấp xã
	TT		HĐND ngày 12/12/3013 của HĐND tỉnh Phú Yên	pháp	
8	T-PYE-217494-TT	Thủ tục Cấp bản sao Giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/3013 của HĐND tỉnh Phú Yên	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
9	T-PYE-154640-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
10	T-PYE-154647-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
11	T-PYE-154652-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
12	T-PYE-154657-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
13	T-PYE-154662-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
14	T-PYE-154668-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
15	T-PYE-154681-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
16	T-PYE-154685-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
17	T-PYE-154689-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
18	T-PYE-	Thủ tục Chứng thực	nt	Hành	UBND

	154694-	hợp đồng thuê tài sản		chính tư	cấp xã
	TT	gắn liền với đất		pháp	
19	T-PYE-154701-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
20	T-PYE-154482-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
21	T-PYE-154502-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
22	T-PYE-154514-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
23	T-PYE-154519-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
24	T-PYE-154522-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
25	T-PYE-154532-TT	Thủ tục Chứng thực hợp đồng ủy quyền	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
26	T-PYE-154538-TT	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
27	T-PYE-154543-TT	Thủ tục Chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế	nt	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã
28	T-PYE-154549-TT	Thủ tục Chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế	Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013	Hành chính tư pháp	UBND cấp xã

**A. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**I. Lĩnh vực Hành chính tư pháp**

**1. Thủ tục Đăng ký lại việc sinh**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Giấy khai sinh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận.
- Nhận Giấy khai sinh.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc sinh.
- Xuất trình bản sao giấy tờ hộ tịch đã cấp hợp lệ trước đây (nếu có), nếu không còn bản sao giấy tờ hộ tịch thì  *nêu rõ lý do* về việc đã đăng ký, nhưng không còn lưu số hộ tịch và chịu trách nhiệm về  *nội dung đã nêu*.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* Giải quyết ngay trong ngày, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài không quá 03 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy khai sinh.

+ *Lệ phí:* Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu Tờ khai TP/-HT-2012-TKĐKLVS ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;
- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;
- Quyết định số 1126/2008/QĐ-UBND ngày 19/7/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc miễn thu các loại phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;
- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

## **2. Thủ tục Đăng ký khai sinh quá hạn**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Giấy khai sinh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nhận Giấy khai sinh.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai (theo mẫu quy định);
- Giấy chứng sinh (bản chính);
- Xuất trình giấy chứng nhận kết hôn.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh, thì thời hạn giải quyết kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:  
Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy khai sinh.

+ *Lệ phí*: Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu Tờ khai TP/-HT-2012-TKKS.1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 1126/2008/QĐ-UBND ngày 19/7/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc miễn thu các loại phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân, gia đình và chứng thực.

- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

### **3. Thủ tục Đăng ký kết hôn**

+ *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Giấy chứng nhận kết hôn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nhận Giấy chứng nhận kết hôn.

thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện*: Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký kết hôn (trường hợp cả hai bên nam nữ cùng cư trú tại một xã, phường, thị trấn hoặc cùng công tác tại một đơn vị trong lực lượng vũ trang nhân dân thì chỉ cần khai vào một tờ khai);

- Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân;

- Giấy xác nhận trình trạng hôn nhân của UBND xã (phường, thị trấn) nơi cư trú của một người trong trường hợp đăng ký kết hôn tại xã (phường, thị trấn) khác (bản chính);

- Trích lục bản án hoặc Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao giấy chứng tử (trong trường hợp đã có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết*: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh, thì thời hạn giải quyết kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Giấy chứng nhận.

+ *Lệ phí*: Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Tờ khai đăng ký kết hôn. Mẫu TPHT-2013-TKĐKKH.

- Giấy xác nhận trình trạng hôn nhân. Mẫu TP/HT-2013-XNTTHN.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ phải có mặt và hai bên nam nữ ký vào giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 1126/2008/QĐ-UBND ngày 19/7/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc miễn thu các loại phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ

sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực.

- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

#### **4. Thủ tục Xác nhận tình trạng hôn nhân**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nhận Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

- Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân;

- Trích lục bản án hoặc Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao giấy chứng tử (trong trường hợp đã có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* Giải quyết ngay trong ngày, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài không quá 03 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy xác nhận.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.  
Mẫu TP/HT-2013-TKXNHN.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;  
- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;  
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

- Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

### **5. Thủ tục Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận.

- Nhận Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch;

- Xuất trình Giấy khai sinh (bản chính);

- Các giấy tờ có liên quan để làm căn cứ thay đổi, cải chính hộ tịch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết*: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh, thì thời hạn giải quyết kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn)

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính.

+ *Lệ phí*: Không.

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu tờ khai TP/-HT-2012-TKTD, CCHT ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch cho người chưa thành niên hoặc người mất năng lực hành vi dân sự được thực hiện theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

- Đối với việc thay đổi họ, tên cho người từ đủ 9 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc cho người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi trở lên, thì phải có sự đồng ý của người đó.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Điều 37, Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư số 16.a/2010/TT-BTP ngày 08/10/2010 của Bộ Tư pháp về việc sửa đổi biểu mẫu hộ tịch ban hành kèm theo Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

- Quyết định số 1126/2008/QĐ-UBND ngày 19/7/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc miễn thu các loại phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

## **6. Thủ tục Đăng ký lại việc kết hôn**

+ *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Giấy chứng nhận kết hôn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nhận Giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc kết hôn (nếu đăng ký lại tại UBND xã, phường, thị trấn không phải nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây thì phải có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ tịch về việc đã đăng ký hoặc bản sao giấy tờ hộ tịch đã cấp hợp lệ trước đây);

- Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân;

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã (phường, thị trấn) nơi cư trú của một người trong trường hợp đăng ký kết hôn tại xã (phường, thị trấn) khác;

- Trích lục bản án hoặc Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao giấy chứng tử (trong trường hợp đã có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh, thì thời hạn giải quyết kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy chứng nhận.

+ *Lệ phí:* Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu Tờ khai TP/-HT-2012-TKĐKLVKH ban hành kèm theo Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ phải có mặt và hai bên nam nữ ký vào giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và Gia đình, ngày 09/6/2000;
- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;
- Quyết định số 1126/2008/QĐ-UBND ngày 19/7/2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc miễn thu các loại phí, lệ phí theo Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
- Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;
- Thông tư số 05/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
- Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

### **7. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả Giấy chứng nhận nuôi con nuôi tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã.

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (nếu đăng ký lại tại UBND cấp xã không phải là nơi trước đây đăng ký việc nuôi con nuôi đó, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký ít nhất của hai người làm chứng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

+ *Lệ phí:* Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Mẫu TP/CN-2011/CN.04.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

### **8. Thủ tục Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Bản sao đã được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau :

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Bản sao đã được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc;

- Xuất trình chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:  
Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp bản sao từ sổ gốc.

+ *Lệ phí*: Không.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Không.

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*: Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc nếu là người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người được cấp bản chính; Cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết, phải xuất trình giấy tờ chứng minh là người có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

- Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

- Nghị quyết số 92/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.

### **9. Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân**

+ *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện*: Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn)

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết*: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

+ *Lệ phí*: 40.000 đồng/trường hợp.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Mẫu số 35/HĐCD).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**10. Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000

7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 36/HĐCN).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **11. Thủ tục Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+ Lệ phí:

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Mẫu số 37/HĐCN).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **12. Thủ tục Chứng thực hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được chứng thực

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhận dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất;

- Văn bản khước từ mua của bên thuê hoặc giấy tờ chứng minh về việc hết thời hạn do pháp luật quy định, kể từ ngày bên thuê nhận được thông báo bán và các điều kiện bán, mà bên thuê không trả lời (nếu tài sản đang cho thuê);

- Văn bản đồng ý của chủ sở hữu chung khác, trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất hoặc trong trường hợp mua bán một phần tài sản thuộc sở hữu chung theo phân thì nộp văn bản khước từ mua của chủ sở hữu chung khác hoặc giấy tờ chứng minh về việc hết thời hạn do pháp luật quy định, kể từ ngày chủ sở hữu

chung nhận được thông báo bán và các điều kiện bán, mà không có chủ sở hữu chung

nào mua (nếu tài sản thuộc sở hữu chung);

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ).

+ *Thời hạn giải quyết*: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Chứng thực hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí*:

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất bản (Mẫu số 38/HĐMB).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

chính và Bộ Tư pháp Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **13. Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 40/HĐTA).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

#### **14. Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000

10	CÔNG BÁO/Số 13+14/Ngày 03-6-2014	3.000.000	101
----	----------------------------------	-----------	-----

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (Mẫu số 41/HĐTA).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **15. Thủ tục Chứng thực hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất.

+ Lệ phí:

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 42/HĐTA).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **16. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn)

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	40.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	80.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	400.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	800.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.000.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.200.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	1.500.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	1.700.000
10	Trên 10 tỷ đồng	2.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 44/HĐT).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **17. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả  
 nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	40.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	80.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	400.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	800.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.000.000

STT	Giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.200.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	1.500.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	1.700.000
10	Trên 10 tỷ đồng	2.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất (Mẫu số 45/HĐT).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **18. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất**

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày  
thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	40.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	80.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	400.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	800.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.000.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.200.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	1.500.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	1.700.000
10	Trên 10 tỷ đồng	2.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC).

- Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 46/HĐT).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;
- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;
- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;
- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;
- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **19. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

- + Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- + Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.
- + Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:
  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
  - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

+ Lệ phí:

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 48/HĐTC).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**20. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn)

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ :

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại .

Thời gian tiếp nhận hồ sơ : Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết)

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau :

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000

3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Mẫu số 49/HĐTC).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **21. Thủ tục Chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất**

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 50/HĐTC).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

chúng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**22. Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);
- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 52/HĐGV).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;
- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;
- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;
- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;
- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **23. Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000

4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);
- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất (Mẫu số 53/HĐGV).

+ Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

#### **24. Thủ tục Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất**

+ Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất được chứng thực

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h, Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày  
thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, vawn banr (Mẫu số 31/PYC);

- Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 54/HĐGV).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;
- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;
- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;
- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;
- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;
- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **25. Thủ tục Chứng thực hợp đồng ủy quyền**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước: Hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận Hợp đồng ủy quyền được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu; bản sao giấy tờ chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu ủy quyền có tài sản gắn liền với đất);
- Hợp đồng ủy quyền;
- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực hợp đồng ủy quyền.

+ *Lệ phí*: 40.000đ/trường hợp.

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Hợp đồng ủy quyền (Mẫu số 56/HĐUQ).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **26. Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế**

+ *Trình tự thực hiện*:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Trả kết quả Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế đã được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;

- Nộp lệ phí;

- Nhận Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế đã được chứng thực.

thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện*: Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có);

- Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế;

- Bản sao Sổ hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết*: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Chứng thực văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế.

+ *Lệ phí*: 20.000đ/trường hợp

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế (Mẫu 60/VBTC).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*:

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **27. Thủ tục Chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế**

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.
- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h Chiều từ 14h đến 15h (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

Bước 3: Người thực hiện chứng thực phải niêm yết thỏa thuận phân chia di sản tại nơi thường trú hoặc nơi có bất động sản của người để lại di sản trong vòng 30 ngày.

Bước 4: Trả kết quả Văn bản phân chia tài sản thừa kế được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận văn bản phân chia tài sản thừa kế được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h – Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu di chúc để thừa kế có tài sản gắn liền với đất) hoặc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Văn bản phân chia tài sản thừa kế;

- Bản sao Sổ hộ khẩu;

- Bản sao Di chúc;

- Giấy chứng tử của người để lại di sản;

- Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế, có sự cam đoan và chịu trách nhiệm về việc không bỏ sót người thừa kế theo pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000
4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Văn bản phân chia tài sản thừa kế (Mẫu số 58/VBPC).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất;

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch.

## **28. Thủ tục Chứng thực văn bản nhận tài sản thừa kế**

+ *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn).

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì viết giấy biên nhận và hẹn thời gian giao trả.

- Trường hợp hồ sơ thiếu và không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ làm lại.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết)

Bước 3: Người thực hiện chứng thực phải niêm yết khai nhận di sản tại nơi thường trú hoặc nơi có bất động sản của người để lại di sản trong vòng 30 ngày.

Bước 4: Trả kết quả văn bản nhận tài sản thừa kế được chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nằm trong UBND xã (phường, thị trấn) theo trình tự sau:

- Nộp giấy biên nhận;
- Nộp lệ phí;
- Nhận văn bản nhận tài sản thừa kế được chứng thực.

Thời gian trả hồ sơ: Sáng từ 7h30 đến 11h; Chiều từ 14h đến 16h30 (Trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, lễ, Tết).

+ *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn).

+ *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực văn bản;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;
- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu di chúc để thừa kế có tài sản gắn liền với đất) hoặc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Văn bản nhận tài sản thừa kế;
- Bản sao Sổ hộ khẩu;
- Bản sao Di chúc;
- Giấy chứng tử của người để lại di sản;

- Giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản mà người nhận thừa kế là duy nhất theo quy định của pháp luật về thừa kế, có sự cam đoan và chịu trách nhiệm về việc không bỏ sót người thừa kế theo pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

+ *Thời hạn giải quyết:* 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

+ *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND xã (phường, thị trấn).
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND xã (phường, thị trấn).

- Cơ quan phối hợp: Không.

+ *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Chứng thực văn bản nhận tài sản thừa

kế.

+ *Lệ phí:*

STT	Giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Dưới 50 triệu đồng	50.000
2	Từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	300.000

CÔNG BÁO/Số 13+14/Ngày 03-6-2014

124 4	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	500.000
5	Từ trên 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	1.000.000
6	Từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng	1.200.000
7	Từ trên 3 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng	1.500.000
8	Từ trên 4 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	2.000.000
9	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	2.500.000
10	Trên 10 tỷ đồng	3.000.000

+ *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng, văn bản (Mẫu số 31/PYC);

- Văn bản nhận tài sản thừa kế (Mẫu số 59/VBN).

+ *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Người yêu cầu công chứng, chứng thực thì phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Người yêu cầu chứng thực phải được thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực.

+ *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 27/6/2005;

- Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 10/12/2003;

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chức, chứng thực;

- Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2001/NĐ-CP;

+ Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

- Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch./.